

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2025

V/v “tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Kim Th, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Kim Th trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Lê Kim Th và ông Nguyễn Hữu Đ tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình.

Ông bà đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Hoàng H, sinh ngày 29/11/2006. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tuy nhiên, bị đơn ông Đ cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với ông Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đ có địa chỉ thường trú tại xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà Th, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Đ.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th thấy rằng: Bà Th và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhựt Ch, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2003 nên hôn nhân giữa bà Th và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà Th và ông Đ không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, đề vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đ cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông Đ

không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[5]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Hoàng H, sinh ngày 29/11/2006. Hiện tại, cháu H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Th đối với ông Nguyễn Hữu Đ về tranh chấp ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lê Kim Th đã nộp theo biên lai thu số 000.7598 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Nhựt Ch;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông